

Số: / TTYT-DVT
V/v mời báo giá hàng hóa

Tân Yên, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm y tế huyện Tân Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm Vật tư y tế sử dụng 12 tháng năm 2024-2025 của Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Tân Yên

Địa chỉ: TT Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds Nguyễn Văn Phương- Trưởng khoa Dược-VTTBYT.

Số điện thoại: 0979.020.343. Email: cvkhoaduoc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-VTTBYT, TT Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang. Đồng thời, đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam scan báo giá qua địa email: cvkhoaduoc@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 23 tháng 10 năm 2024 đến trước 14h ngày 04 tháng 11 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: Chi tiết theo biểu mẫu đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thiết bị y tế, hàng hóa: Tại kho khoa Dược-VTTBYT, Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, TT Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Kể từ ngày nhận được dự trù (yêu cầu) của Trung tâm

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Tạm ứng: Không.

Thanh toán: Trong vòng 90 ngày, sau khi hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Tân Yên; Hoá đơn giá trị gia tăng (VAT), bên bán cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Các thông tin khác (nếu có): Tài liệu mô tả thông số kỹ thuật, catalog... của các sản phẩm tham gia chào giá kèm theo.

Trung tâm Y tế huyện Tân Yên trân trọng thông báo và kính mời Quý công ty quan tâm gửi báo giá.

Nơi nhận:

- Công TTTTYT Tân Yên;
- Lưu: VT, DVT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hoàn

BẢNG MÔ TẢ ĐÍNH KÈM

A. Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật:

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. Danh mục vật tư y tế tiêu hao				
1	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần chính: Chlorhexidine digluconate 4%	Lít	60
2	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần chính: Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w).	Lít	100
3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Thành phần chính: Chlorhexidine digluconate 2%	Lít	100
4	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Thành phần chính: Ortho-Phthaldehyde 0,55%, có test kiểm soát chất lượng kèm theo	Lít	250
5	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ y tế	Enzyme Protease 5,0%, lipase 0,2%, amylase 0,15%, mannanase 0,05%, cellulase 0,05%	lít	12
6	Băng bột bó	15cm x 270cm	Cuộn	500
7	Băng cuộn	10cm x 5m; dệt bằng sợi bông 100% cotton	Cuộn	2,500
8	Băng keo lụa	Kích thước: 5cm x 5m. Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x ($\geq 19,5$ sợi/cm ²), keo Zinc oxide. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ, tiêu chuẩn CE	Cuộn	1,000
9	Kim lấy máu, lấy thuốc	Số 18G, 20G, 23G, 25G. Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	120,000
10	Kim luồn tĩnh mạch	Số 14G, 16G, 17G, 18G, 20G, 22G, 24G. Độ dày mũi kim: $\leq 0,05$ mm, gắn 4 đường cân quang ngàm, tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6,000
11	Kim châm cứu	Số 4: $\geq (0,25\text{mm} \times 13\text{mm})$; Số 5: $\geq (0,3\text{mm} \times 25\text{mm})$; Số 6 $\geq (0,3\text{mm} \times 40\text{mm})$; Số 7 $\geq (0,3\text{mm} \times 50\text{mm})$. Đóng theo vỉ, đã tiệt trùng, Đạt ISO 13485	Cái	160,000
12	Dây truyền dịch kim 2 cánh bướm	Đã tiệt trùng. Dây dẫn dài $\geq 1500\text{mm}$, chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế, Kim hai cánh bướm, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh, buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8,5\text{ml}$. Đầu nối (Luer lock) có cơ chế xoay, có van thoát khí, màng lọc vô khuẩn. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO để thoát hết dư lượng khí EO. Đạt ISO	Bộ	30,000

		13485		
13	Dây truyền máu	Chất liệu ống PVC. Bầu nhỏ giọt tương đương 20 giọt/ml, dây dài tối thiểu 1500mm, kích thước lỗ lọc nằm trong khoảng từ 175-200µm, khóa hãm ABS, có đường tiêm chất liệu cao su, kim không cánh các cỡ. Đạt ISO 13485	Bộ	10
14	Găng tay cao su y tế có bột (găng tay khám bệnh)	Các số. Chất liệu bằng mủ cao su tự nhiên. Các cỡ. Có bột. Chiều dài ≥ 240 mm, độ dày trung bình ≥ 0.08 mm. Đạt ISO 13485	Đôi	110.000
15	Găng sản dài	Chưa tiệt trùng dài ≥ 500 mm sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần. Đạt ISO 13485	Đôi	1.200
16	Găng tay phẫu thuật đã tiệt trùng	Size 6.5, 7.0, 7.5, 8; Chất liệu bằng cao su tự nhiên; Đã được tiệt trùng đóng gói 1 đôi/ gói tiệt trùng ; Có bột; Chiều dài của găng ≥ 280 mm, Độ dày 0,10-0,16 mm. Đạt ISO 13485	Đôi	10.000
17	Ống nghiệm có chốt chống đông EDTA	Dung tích 2ml, kích thước 12mm (hoặc 13mm) x75mm, nắp cao su có thể đâm xuyên kim để lấy máu. Đạt ISO 13485	Cái	40.000
18	Ống nội khí quản	Có bóng chèn, các số. Có 2 vạch căn quang đánh dấu đầu đặt in rõ trên thân ống giúp dễ dàng quan sát. Đạt ISO 13485	Cái	1.000
19	Sonde Foley	2 nhánh số 8; 10; 12; 14; 16; 18; 22; 24. Chất liệu cao su y tế, tráng silicon trong lòng. Đã tiệt trùng. Đạt ISO 13485	Cái	500
20	Dây hút nhót không nắp hoặc có nắp	Các số 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. Dây dẫn chất liệu PVC, độ dài ≥ 500 mm. Đạt ISO 13485	Cái	300
21	Dây thở oxy 2 nhánh	Các cỡ XS, S, M, L, chiều dài $\geq 2,0$ m, sản xuất từ chất liệu nhựa PVC y tế. Đạt ISO 13485	Bộ	900
22	Lưỡi dao mổ	Đầu nhọn, bầu, thẳng, cong các số, chất liệu bằng thép không gỉ. Đạt ISO 13485	Cái	1.000
23	Điện cực tim dán		Cái	300
II. Danh mục vật tư dụng trong kết hợp xương				
1	Nẹp bản hẹp 7 lỗ	Nẹp nén thân xương chày, 7 lỗ thẳng, lỗ vít nén, thích hợp vít xương cứng 4.5mm, có từ 4 lỗ đến 16 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	15
2	Nẹp bản nhỏ cẳng tay 7 lỗ	Nẹp ép nén xương cánh tay, 7 lỗ thẳng, lỗ vít nén, thích hợp vít xương cứng 3.5mm, có từ 4 lỗ đến 14 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	15

3	Nẹp bản nhỏ căng tay 6 lỗ	Nẹp ép nén xương cánh tay, 6 lỗ thẳng, lỗ vít nén, thích hợp vít xương cứng 3.5mm, có từ 4 lỗ đến 14 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	20
4	Nẹp xương đùi 8 lỗ	Nẹp nén thân xương đùi, 8 lỗ thẳng, lỗ vít nén, thích hợp vít xương cứng 4.5mm, có từ 4 lỗ đến 16 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	10
5	Nẹp xương đùi 10 lỗ	Nẹp nén thân xương đùi, 10 lỗ thẳng, lỗ vít nén, thích hợp vít xương cứng 4.5mm, có từ 4 lỗ đến 16 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	10
6	Nẹp lòng máng 6 lỗ	Nẹp 1/3 lòng máng xương căng tay, 6 lỗ thẳng, thích hợp vít xương cứng 3.5mm, có từ 4 lỗ đến 12 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	20
7	Nẹp lòng máng 7 lỗ	Nẹp 1/3 lòng máng xương căng tay, 7 lỗ thẳng, thích hợp vít xương cứng 3.5mm, có từ 4 lỗ đến 12 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	15
8	Nẹp chữ T nhỏ, 6 lỗ, căng tay vis 3.5mm	Nẹp xương quay chữ T, 3 lỗ đầu, 6 lỗ thân, thích hợp vít xương cứng 3,5mm, có từ 3 lỗ đến 8 lỗ, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	5
9	Nẹp chữ T nhỏ 5 lỗ cho vít 2.0mm	Nẹp chữ T nhỏ, 2 lỗ đầu, 4 lỗ thân thẳng Nẹp chữ T nhỏ, 2 lỗ đầu, 4 lỗ thân thẳng liên hoàn, linh hoạt với vít 1.5mm, 2.0mm, , được làm vật liệu: TITANIUM.	Cái	5
10	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ cho vít 2.0mm	Nẹp mặt 4 lỗ thẳng liên hoàn, linh hoạt với vít 1.5mm, 2.0mm, được làm vật liệu: TITANIUM.	Cái	10
11	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít 2.0mm	Nẹp mặt Mandible 6 lỗ thẳng liên hoàn, linh hoạt với vít 1.5mm, 2.0mm, được làm vật liệu: TITANIUM.	Cái	5
12	Vít xương cứng 2.0mm x 12mm titan	Vít xương 2.0mm dài 10mm, bước ren xoắn, mũ vít hình ché, chiều dài linh hoạt 04mm đến 16mm, được làm vật liệu: TITANIUM.	Cái	30
13	Vít xương cứng 2.0mm x 15mm titan	Vít xương 2.0mm dài 15mm, bước ren xoắn mũ vít hình ché, chiều dài linh hoạt 04mm đến 16mm, được làm vật liệu: TITANIUM.	Cái	30
14	Vít xương cứng 1.5mm x 12 mm titan	Vít xương 2,0mm dài 14mm, bước ren xoắn, mũ vít hình ché, chiều dài linh hoạt 04mm đến 16mm, được làm vật liệu: TITANIUM. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, CE, FDA	Cái	50
15	Vít xương cứng 3.5mm x 16mm	Vít xương cứng, đường kính 3,5mm, dài 16mm, bước ren xoắn Cortex screw 20TPI, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm	Cái	100

		đến 60mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.		
16	Vít xương cứng 3.5 mmx 18mm	Vít xương cứng, đường kính 3,5mm, dài 18mm, bước ren xoắn Cortex screw 20TPI, đầu vít tự khoan, chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 60mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	200
17	Vít xương cứng 3.5mm x 20mm	Vít xương cứng, đường kính 3,5mm, dài 20mm, bước ren xoắn Cortex screw 20TPI, đầu vít tự khoan, chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 60mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	50
18	Vít xương cứng 3.5mm x 22mm	Vít xương cứng, đường kính 3,5mm, dài 22mm, bước ren xoắn Cortex screw 20TPI, đầu vít tự khoan, chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 60mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	100
19	Vít xương cứng 3.5 mm x 24mm	Vít xương cứng, đường kính 3,5mm, dài 24mm, bước ren xoắn Cortex screw 20TPI, đầu vít tự khoan, chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 60mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	100
20	Vít xương cứng 3.5mm x 26mm	Vít xương cứng, đường kính 3.5mm, dài 26mm, bước ren xoắn Cortex screw 20TPI, đầu vít tự khoan, chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 60mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	50
21	Vít xương cứng 3.5mm x 28mm	Vít xương cứng, đường kính 3.5mm, dài 28mm, bước ren xoắn Cortex screw 20TPI, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 60mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	50
22	Vít xương cứng 4.5mm x 26mm	Vít xương cứng, đường kính 4.5mm, dài 26mm, bước ren xoắn Cortex screw, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 80mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	30
23	Vít xương cứng 4.5 mm x 28mm	Vít xương cứng, đường kính 4.5mm, dài 28mm, bước ren xoắn Cortex screw, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 80mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	30
24	Vít xương cứng 4.5mm x 30mm	Vít xương cứng, đường kính 4.5mm, dài 30mm, bước ren xoắn Cortex screw, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 80mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	50

25	Vít xương cứng 4.5 mm x 32mm	Vít xương cứng, đường kính 4.5mm, dài 32mm, bước ren xoắn Cortex screw, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 80mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	100
26	Vít xương cứng 4.5mm x 34mm	Vít xương cứng, đường kính 4.5mm, dài 34mm, bước ren xoắn Cortex screw, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 80mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	150
27	Vít xương cứng 4.5mm x 36mm	Vít xương cứng, đường kính 4,5mm, dài 36mm, bước ren xoắn Cortex screw, đầu vít tự khoan chiều dài linh hoạt từ 12mm đến 80mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ 28SS316L.	Cái	100
28	Mũi khoan 1.7mm	Mũi khoan, đường kính 1.7mm, chiều dài làm việc 150mm, đầu mũi khoan xoắn kết nối linh hoạt với khoan, được làm vật liệu: Thép không gỉ.	Cái	3
29	Mũi khoan 1.2 mm	Mũi khoan, đường kính 1.2mm, chiều dài làm việc 150mm, đầu mũi khoan xoắn, kết nối linh hoạt với khoan, được làm vật liệu: Thép không gỉ.	Cái	3
30	Mũi khoan 2.5mm	Mũi khoan, đường kính 2.5mm, chiều dài làm việc 150mm, đầu mũi khoan xoắn, kết nối linh hoạt với khoan, được làm vật liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
31	Mũi khoan 2.7mm	Mũi khoan, đường kính 2.7mm, chiều dài làm việc 150mm, đầu mũi khoan xoắn, kết nối linh hoạt với khoan, được làm vật liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
32	Mũi khoan 3.5mm	Mũi khoan, đường kính 3.5mm, chiều dài làm việc 150mm, đầu mũi khoan xoắn, kết nối linh hoạt với khoan, được làm vật liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
33	Chỉ thép 0.9 mm	Đường kính từ 16 SWG đến 30 SWG. Chiều dài tương ứng: 1 mét / cuộn, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cuộn/ 1 mét	5
34	Chỉ thép 1.0 mm	Đường kính từ 16 SWG đến 30 SWG. Chiều dài tương ứng: 1 mét / cuộn, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cuộn/ 1 mét	5
35	Đinh Kirschner. size 1,2mm, dài 300mm	Đinh Kirschner, đường kính 1.2mm đến 3.0mm, chiều dài từ 100mm đến 300mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	10
36	Đinh Kirschner. size 1,4mm, dài 300mm	Đinh Kirschner, đường kính 1.4mm đến 3.0mm, chiều dài từ 100mm đến 300mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	20

37	Đinh Kirschner. size 1,6mm, dài 300mm	Đinh Kirschner, đường kính 1.6mm đến 3.0mm, chiều dài từ 100mm đến 300mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	10
38	Đinh Kirschner. size 1,8mm, dài 300mm	Đinh Kirschner, đường kính 1.8mm đến 3.0mm, chiều dài từ 100mm đến 300mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	20
39	Đinh Kirschner. size 2.0mm, dài 300mm	Đinh Kirschner, đường kính 2.0mm đến 3.0mm, chiều dài từ 100mm đến 300mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	10
40	Đinh Kirschner. size 2.2 mm, dài 300mm	Đinh Kirschner, đường kính 2.0mm đến 3.0mm, chiều dài từ 100mm đến 300mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	10
41	Đinh Kirschner. size 2.4mm, dài 300mm	Đinh Kirschner, đường kính 2.0mm đến 3.0mm, chiều dài từ 100mm đến 300mm, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cái	20
III.Danh mục vật tư dùng trong nội soi can thiệp				
1	Kìm sinh thiết dạ dày 1 lần	Kìm sinh thiết có kim hoặc không kim; ngàm hình oval hoặc hình tròn. - Chiều dài làm việc: 120cm, 160cm, 180cm, 230cm tương thích với kênh làm việc tối thiểu: 2.0mm hoặc 2.8mm	Cái	10
2	Kìm gấp dị vật	Loại có vỏ hoặc không vỏ. Đường kính ngàm 1.8mm hoặc 2.3mm, độ mở ngàm 6.3mm hoặc 8.1mm. Chiều dài làm việc 120cm, 180cm hoặc 230cm. Tương thích với kênh làm việc $\geq 1.8\text{mm}$ hoặc 2.3mm	Cái	7
3	Thùng lọng cắt polyp	Tay cầm được thiết kế 3-ring, thiết kế hình Oval, tay cầm bằng nhựa. Chiều dài làm việc 230cm, đường kính vỏ $\geq 2.3\text{mm}$, độ mở loop từ 10-36mm.	Cái	7
4	Clip cầm máu 2 chiều	Clip cầm máu dùng một lần có đường kính mở 16mm, xoay 2 chiều 360 độ (cán màu xanh, vàng) . Chiều dài các cỡ 1950mm, 2300mm. Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm. Kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. Đóng mở được nhiều lần.	Cái	30
5	Kim tiêm cầm máu	Kim tiêm cầm máu tiêu hóa, đường kính 22G, 25G, - Độ nhô đầu tip 4mm, 5mm, 6mm được làm bằng thép không gỉ. - Đường kính ống catheter 2.3mm	Cái	3

6	Tay cầm Endoloop	Tay cầm endoloop có vỏ nhựa, đường kính ngoài 2.7mm; hoặc không có vỏ nhựa với đường kính ngoài 2.1mm, tương thích đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm; Chiều dài làm việc được sử dụng 1650-1950-2300mm.	Cái	2
7	Loop thắt chân Polyp	Lòng thắt chân polyp cầm máu đường tiêu hóa được thiết kế vòng tròn đôi linh hoạt. Độ mở từ 15-20-30-40mm. Độ cao: 36-40-55-70mm	Cái	5
8	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản gồm có: Đầu thắt được làm từ chất liệu: cao su +nhựa + chỉ Tay cầm thắt tĩnh mạch thực quản dùng một lần	cái	5
9	Nắp chụp bảo vệ đầu dây soi	Nắp bảo vệ đầu dây soi cap: 11.35mm-15.7mm; đường kính ngoài đầu tip dây soi: 8.9-9.9 mm đến 13.4-13.9mm; chiều dài 4mm	Cái	5
10	Rọ lấy dị vật	Rọ lấy dị vật tiêu hóa 4 nhánh, có thể xoay được, đường kính ống 2.8mm, chiều dài 200cm, cỡ rọ 35x60mm	Cái	10
11	Vợt hút dị vật	Vợt hút dị vật hình cầu, dùng một lần, đường kính vỏ ống 1.8mm - 2.5mm-3.0mm, chiều dài làm việc 160cm, 230 cm, 350cm, kích thước vợt các cỡ	Cái	5
12	Kìm sinh thiết nóng	Kìm sinh thiết nóng dùng 1 lần, tay cầm 3 ring, khớp kéo đỉnh tán chất lượng cao, PTFE chống thủng. Đường kính 1.8mm tương ứng với chiều dài làm việc 1.2m, 1.6m và 1.8m, tương thích với kênh làm việc 2.0mm. Đường kính 2.3mm tương ứng với chiều dài làm việc từ 1.2m, 1.6m, 1.8m và 2.3m; tương thích với dây nội soi đường kính 2.8mm	Cái	2
13	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt được làm từ chất liệu: cao su +nhựa + chỉ, với thiết kế 1 đầu thắt gồm 6 vòng thắt	Cái	10
IV. Danh mục vật tư dùng trong chạy thận nhân tạo				
1	Quả lọc thận	- Chất liệu màng lọc: Alpha Polysulfone Pro. - Tiệt trùng: Bằng tia Gamma không Oxy * Thông số vật lý: - Diện tích bề mặt (m²): $\geq 1,6$ - Hệ số siêu lọc : ≥ 14 ml/h/mmHg - Thể tích chứa máu: ≥ 98 ml - Hiệu suất màng với tốc độ máu (QB) ≥ 300 ml/phút	Quả	1.000

		- Hệ số thanh thải + Urea: ≥ 269 ml/phút + Creatinine: ≥ 242 ml/phút + Phosphate: ≥ 187 ml/phút + Vitamine B12: ≥ 112 ml/phút		
2	Kim chạy thận nhân tạo 16G, 17G	- Phương pháp Tiệt trùng tia Gamma - Đầu kim hai mặt vát, thành kim mỏng, lòng tráng silicon, lỗ phía sau kim động mạch. - Kích thước: + Kích thước kim: 16G (1,6 x 25 x 300) mm. 17G (1,5 x 20 x 300) mm. - Cánh kim có thể xoay được, có dấu hiệu giúp nhận biết mặt vát kim, vật liệu bằng Polyethylene. - Nguyên liệu sản xuất ống kim cao cấp, không chứa DEHP và LATEX + Ống thông: Thép không gỉ SUS 304 + Trục kim: Polyvinyl Clorua + Đường ống: Polyvinyl Clorua + Cánh có thể xoay AVF: Polyethylene + Kẹp nhỏ: Polypropylene + Dầu bôi trơn: Silicone	Chiếc	15.000
3	Dây dẫn máu thận nhân tạo	- Chất liệu: PVC - Tiệt trùng bằng EO. - Thành phần 1. Dây động mạch - Dây máu: $\geq 4,4 \times 6,6 \times 780$ mm - Đoạn dây gắn bơm máu: $\geq 8 \times 12 \times 420$ mm - Dây điều chỉnh mực nước: $\geq 2,2 \times 3,6 \times 100$ mm - Dây đo áp lực động mạch: $\geq 3,5 \times 5,5 \times 400$ mm - Bầu động mạch: ≥ 37 Phr 2. Dây tĩnh mạch - Dây máu: $\geq 4,4 \times 6,6 \times 780$ mm - Dây điều chỉnh mực nước: $\geq 2,2 \times 3,6 \times 100$ mm - Dây đo áp lực tĩnh mạch: $\geq 3,5 \times 5,5 \times 500$ mm - Bầu tĩnh mạch có màng lọc.	Bộ	1.000
4	Dung dịch rửa máy thận nhân tạo	Acid Citric 50% (1000 ml chứa Acid Citric khan 500g)	Lít	300
5	Phin lọc khí	Chất liệu vỏ màng: PVC - Màng: PTFE - Tiệt trùng: EO vô khuẩn tuyệt đối - Màng kỵ nước PTFE, kích thước lỗ 0,2 micro mét	Cái	200

		- Bộ lọc không khí Kháng khuẩn, kỵ nước với 2 khóa Female luer/ Male luer, rào cản vô trùng chỉ cho không khí đi qua, ngăn chặn máu đang thẩm tách. - Áp lực lọc nước tối thiểu qua màng $\leq 1,1$ bar/ 30 seconds. - PH $\leq 1,5$ ml		
6	Cather tĩnh mạch dùng chạy thận nhân tạo	Kim chích tĩnh mạch đùi 2 nhánh dùng chạy thận nhân tạo 12Fr dài ≥ 20 cm, dây dẫn đường $\geq 0,035$ " dài ≥ 70 cm	Cái	5

Ghi chú:

- Thông số kỹ thuật nêu trên là thông số kỹ thuật tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá hàng hoá có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương.
- Nếu là báo giá trực tiếp của hãng sản xuất hàng hóa, nhà phân phối, cung cấp duy nhất tại Việt Nam đề nghị gửi kèm tài liệu chứng minh và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.

B. Địa điểm cung cấp; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thiết bị y tế: Cung cấp hàng hóa đến khoa Dược-VTTBYT của Trung tâm y tế huyện Tân Yên, Bắc Giang.

Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí khác có liên quan theo quy định của Nhà nước. Hàng hóa được bàn giao, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu tại Trung tâm Y tế huyện Tân Yên mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

